TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2022/DS-ST
Ngày 23 -12 - 2022
"V/v Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông:Trần Văn Truyện.

2. Bà Huỳnh Thị Kim Thơ.

- Thư ký phiên toà*: Ông Hồ Tấn Đạt*– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thanh Toàn– Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/12/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười, mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự đã thụ lý số: 713/2016/DS-ST, ngày 07 tháng 12 năm 2016, về việc: "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất", theo Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 861/2022/QĐST – DS, ngày 05/12/2022, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Huỳnh Tấn T, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Mỹ H, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Ngô Trọng H– Công ty Luật TNHH Luật HVà Công sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Huỳnh Tấn T1, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Mỹ H, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn HGiang – Văn phòng Luật sư HGiang T10ộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Huỳnh Thị T2, sinh năm 1940.

Địa chỉ: Khóm 3, TT. Tràm Chim, huyện Tam Nông, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: chị Trần Thanh T3, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp Mỹ Hưng H, xã Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

2. Huỳnh Thị S, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Mỹ H, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Bà S ủy quyền cho anh Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Mỹ H, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

3. Huỳnh Thị N, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Ấp Cây Sao, xã T4 Lập, huyện T4 Thành, Long An.

4. Huỳnh Kim L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khóm 4, TT. Mỹ An, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

5. Huỳnh Tấn T5, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số 521/8, Cách Mạng Tháng 8, phường 3, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

6. Huỳnh Tấn T6, sinh năm 1954 (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T6:

6.1. Huỳnh Tấn T7, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 54, đường số 3, KP 4, Phường B An, Quận 2, TP Hồ Chí Minh.

6.2. Huỳnh Tấn T8, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Mỹ H, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

6.3. Huỳnh Tấn T9, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 65/20/1 Đường số 20, P Hiệp B Chánh, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

7. Huỳnh Thị M, sinh năm 1948 (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà M.

Ông Hà Trung T10, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Mỹ H, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Hà Thái B, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Mỹ H, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

7. Võ Văn C, sinh năm 1972.

8. Đoàn Thị H, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã Mỹ H, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ông C, bà H, anh T7, anh T8 và anh T9 vắng mặt không có lý do.

Các đương sự còn lại có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Huỳnh Tấn T trình bày:

Nguyên trước đây, cha ông T tên Huỳnh Tấn Tước và mẹ tên Nguyễn Thị Ca, lúc còn sống có cho ông sở hữu sử dụng diện tích 27.000 m^2 đất nông nghiệp tọa lạc tại ấp 5, xã Mỹ H. Ông T đã sử dụng ổn định từ năm 2002 đến năm 2012, ông T khai phá tràm để chuyển đổi mục đích canh tác lúa. Từ năm 2012, ông cho

ông Nguyễn Hồng Vân T10ê đến 2015 và từ 2015 đến nay cho ông Võ Văn C T10ê. Số tiền cho T10ê quyền sử dụng đất đến nay là 360.000.000đ đã gửi vào T6 khoản Ngân hàng TMCP Thương Tín (Sacombank) do ông C làm chủ T6 khoản. Năm 2007, cụ Tước chết có để lại Di chúc và Giấy chứng nhận QSDĐ do cụ Tước đứng tên. Trong di chúc, cụ Huỳnh Tấn Tước cho ông T phần đất trong đó có phần diện tích 27.000m^2, phần đất có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp đất ông Tư Bèo, hướng Tây giáp đất Nguyễn Thị Ngọc Chơn, hướng Nam giáp kênh gia đình tự đào, hướng Bắc giáp Kênh Thầy 7. Ông Huỳnh Tấn T1 không đồng ý giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông T được chuyển quyền sử dụng mảnh đất nêu trên.

Nay, ông T yêu cầu ông T1 giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 27.000m^2, T10ộc thửa 560, tờ bản đồ số 04, do cụ Huỳnh Tấn Tước đứng tên, mà ông T được hưởng theo di chúc cụ Tước lập ngày 30/7/2000. Trường hợp, di chúc không hợp pháp ông T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và tính công sức đóng góp, tôn tạo cho ông bằng 1/3 di sản. Đối với phần đất thổ cư và nhà ở T10ộc thửa số 26 (tờ bản đồ số 43), thửa 558, thửa 533 (tờ bản đồ số 3) T10ộc ấp 2, xã Mỹ H, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp do ông T1 đứng tên quyền sử dụng đất, ông yêu cầu được đứng tên sở hữu chung vì đây là đất hương hỏa làm nhà từ đường, dùng để thờ cúng, chôn cất ông, bà cha mẹ. Đối với số tiền cho T10ê đất 360.000.000 đồng, người nào được Tòa án chấp nhận yêu cầu thì được quyền quản lý sử dụng, không tranh chấp.

- Bị đơn Huỳnh Tấn T1 trình bày:

Nguồn gốc đất đang tranh chấp là do cụ Tước nhận chuyển nhượng của ông Quý vào năm 1997, diện tích 27.000m^2, cụ Huỳnh Tấn Tước được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 560, tờ bản đồ số 4, mục đích sử dụng là đất trồng tràm. Đến năm 2000, cụ Tước có lập di chúc để phân chia đất cho các con là: Huỳnh Thị T2, Huỳnh Thị S, Huỳnh Thị N, Huỳnh Tấn T5, Huỳnh Thị M, Huỳnh Tấn T, Huỳnh Kim L, Huỳnh Tấn T6 và ông; Di chúc đã được UBND xã Mỹ H, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp chứng thực vào ngày 06/11/2001. Cụ Ca chết vào ngày 06/01/2001, cụ Tước chết ngày 04/01/2007, sau khi cha mẹ chết, tất cả các anh chị em đều thực hiện chia T6 sản đúng theo Di chúc của cha ông T1 để lại. Đặc biệt trong đoạn cuối của di chúc, cụ Tước có di nguyện là các phần đất do cụ Tước đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ Tước chỉ định giao cho ông T1 quản lý để kiến tạo trùng tu, thờ cúng ông bà, cha mẹ không được quyền sang nhượng phần đất hương quả, trong đó có phần T6 sản 27.000n^2 đất tràm của cụ Tước. Sau khi cụ Tước chết, ông T tự ý phá tràm để chuyển sang làm ruộng vào năm 2009, thời gian khoảng năm 2006 cụ Tước bị bệnh nên chuyện đất tràm, đất ruộng tạm thời giao cho ông T chăm sóc dùm, năm 2007 cụ Tước chết, ông T tự ý chuyển sang làm ruộng.

Năm 2011, ông T1 đi làm thủ tục sang tên từ cụ Tước qua, ông T không đồng ý, thấy cụ Tước mới chết nếu ông làm đơn kiện ông T để lấy đất, sợ tình cảm anh em sức mẻ và vong linh của cụ Tước đau lòng, nên ông để ông T tiếp tục canh tác diện tích 27.000m^2 của cụ Tước để lại cho ông, hy vọng ông T sẽ suy nghĩ lại và trả đất lại cho ông. Nhưng không hiểu sao, năm 2011 ông T làm đơn

khởi kiện đến Tòa án huyện Tháp Mười để xin chia thừa kế quyền sử dụng đất. Sau khi Tòa án thụ lý hồ sơ giải quyết, ông T xin rút đơn khởi kiện, Tòa án có Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án vào ngày 03/01/2012. Lúc này, ông T có thương lượng với ông là cho ông T xin làm thêm 02 năm nữa ông T sẽ trả đất lại cho ông, ông T1 và tất cả các anh, chị em trong gia đình đồng ý cho ông T mượn thêm 02 năm, việc thỏa T10ận này không lập thành văn bản.

Kể từ năm 2014 cho đến nay, đã nhiều lần ông T1 yêu cầu ông T trả lại 27.000m^2 để giao cho ông quản lý sử dụng thờ cúng ông bà, cha mẹ. Ông T không trả đất cho ông mà tiếp tục đặt vấn đề với ông là chia hai phần đất, ông không đồng ý, vì ông là người phải có nghĩa vụ thực hiện theo di chúc của cụ Tước, ông T cho mướn từ năm 2012 chứ không trực tiếp canh tác. Hiện tại, phần đất này đang cho anh Võ Văn C T10ê mướn, tiền cho T10ê quyền sử dụng đất đã gửi vào T6 khoản tạm gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Phòng giao dịch Tháp Mười số tiền 360.000.000 đồng. Đến tháng 9/2016, ông quyết định lấy đất lại để canh tác nhằm chi phí cho việc thờ cúng, đúng như lời di nguyện của cha ông để lại, ông T tiếp tục tranh chấp đến Tòa án yêu cầu trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 27.000m^2 do cụ Tước đứng tên quyền sử dụng đất để chia theo di chúc, ông T1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T.

Ngày 26/7/2017, ông T1 có Đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Tấn T giao trả lại cho ông phần đất 27.000m^2 T10ộc thửa 560, tờ bản đồ số 4, do cụ Tước đứng tên mà ông được quyền hưởng lợi trên mảnh đất đó theo Biên bản H giải của xã Mỹ H, ông T đã đồng ý ký tên và giao cho ông T1 quyền sử dụng 60.000.000 đồng nhằm vào việc thờ cúng ông bà, cha mẹ theo di nguyện của cha ông.

Đối với số tiền cho T10ê đất 360.000.000 đồng, ông thống nhất theo ý kiến của ông T, ai được Tòa án chấp nhận yêu cầu thì được quyền quản lý sử dụng, không tranh chấp.

Đối với yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đòi đứng tên sở hữu chung phần đất T10ộc thửa số 26 (tờ bản đồ số 43), thửa 558, thửa 533 (tờ bản đồ số 3) T10ộc ấp 2, xã Mỹ H, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp do ông T1 đứng tên quyền sử dụng đất, ông T1 không đồng ý, vì phần đất này ông T1 được cụ Tước cho vào năm 1994 và đã đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Tấn T5 trình bày:

Vào ngày 30/7/2000, cha ông là cụ Huỳnh Tấn Tước có lập di chúc bằng văn bản, có 04 người làm chứng và sau đó được Ủy ban nhân dân xã Mỹ H xác nhận ngày 06/01/2001.

Theo ý chí của cha ông, tại di chúc có một phần đất chỉ định làm đất hương quả (hương hỏa), phần này sẽ giao Huỳnh Tấn T1 quản lý, lo kiến tạo, trùng tu, thờ cúng, giỗ quãi tổ tiên, ông bà cha mẹ, không có quyền sang nhượng bán phần đất hương hỏa cho bất kỳ ai. Tuy nhiên, việc quản lý phần đất hương hỏa này của ông T1 đang gây nhiều bức xúc cho gia đình, dòng họ như sau: Đất

hương hỏa có căn nhà từ đường, hiện nay đã xuống cấp mưa dột, ông T1 khóa cửa bỏ hoang nhiều năm liền, không cư ngụ nơi đây, để dột nát có thể bị sập bất cứ lúc nào và vật dụng trong nhà bị mối ăn tan hoang. Ông T1 không T5 hành sửa sang thờ cúng, không cho anh em của ông cúng kiến sửa sang, thờ cúng tổ tiên ông bà cha mẹ. Khu đất mồ mả chôn cất ông bà nội, cha mẹ và anh chị em của ông cũng bị bỏ hoang, ông T1 không cho ông vào chăm sóc, trùng tu, tôn tạo. Việc ông T1 bỏ hoang nhà từ đường, không ở trong nhà nhiều năm và thời gian gần đây ông T1 có những suy nghĩ sai lệch và cản trở không cho ai vào nhà từ đường và khu mồ mả mà ông T1 đang quản lý, làm cho anh chị em của ông đau lòng, buồn bả, tình cảm ruột thịt bị rạn nứt, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần của mỗi người và tình quyến T10ộc trong dòng họ. Nay, ông T5 yêu cầu được đứng tên sở hữu chung phần đất thổ cư và nhà ở T10ộc thửa số 26 (tờ bản đồ số 43), thửa 558, thửa 533 (tờ bản đồ số 3) T10ộc ấp 2, xã Mỹ H, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp do ông T1 đứng tên quyền sử dụng đất, vì đây là nhà từ đường, dùng để thờ cúng, chôn cất ông, bà cha, mẹ và anh chị em của ông theo điểm b, mục 2 phần B của Di chúc.

Phần 27.000m^2 T10ộc thửa 560 do cụ Tước đứng tên, trước đây ông không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để ông T và ông T1 tự tranh chấp với nhau. Nhưng nay ông có yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật trong trường hợp di chúc của cụ Tước không hợp pháp, chia đều 09 kỹ phần bằng nhau cho tất cả các anh chị em. Ông T5 không nhận hiện vật mà xin nhận bằng giá trị.

2.* Bà Huỳnh Thị N trình bày*:

Bà là chị thứ 6 của ông T và ông T1. Cha mẹ có 11 người con, chết 04, trong đó có 02 người chết lúc nhỏ không nhớ tên, còn 07 người sống.

Lúc sinh thời cụ Tước có cho đất các con, phần bà được cho là 15 công đất ruộng, bà quản lý sử dụng. Khi cụ Tước qua đời cũng đã lâu, ông T mới xuất trình Di chúc của cụ Tước ra, ông T đưa cho bà 01 bản photo nhưng bà không quan tâm tới, nên không biết nội dung di chúc viết gì. Phần đất bà nhận sau 08 công do ông T cho, phần đất được cho sau không nằm trong phần đất ông T và ông T1 tranh chấp. Trước đây, bà không có yêu cầu đối với phần đất diện tích 27.000m^2 T10ộc thửa 560 do cụ Tước giao cho ông T và ông T1 tranh chấp. Nhưng nay bà thay đổi, bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất này, bà xin hưởng 01 kỹ phần giống những đồng thừa kế khác, vì đây là di sản của cụ Tước để lại (bà xin nhận bằng giá trị) và yêu cầu được đứng tên sở hữu chung phần đất T10ộc thửa số 26 (tờ bản đồ số 43), thửa 558, thửa 533 (tờ bản đồ số 3) T10ộc ấp 2, xã Mỹ H, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp do ông T1 đứng tên quyền sử dụng đất, vì đây là nhà từ đường, dùng để thờ cúng, chôn cất ông, bà cha, mẹ và anh chị em của bà theo điểm b, mục 2 phần B của Di chúc.

3. Bà Huỳnh Kim L trình bày*:*

Bà là em của ông T và là chị của ông T1.

Thống nhất lời trình bày của ông T5. Bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất diện tích 27.000m^2 T10ộc thửa 560, chia đều 09 phần bằng nhau (bà xin nhận bằng giá trị) và yêu cầu được đứng tên sở hữu chung phần đất thổ cư

và nhà ở T10ộc thửa số 26 (tờ bản đồ số 43), thửa 558, thửa 533 (tờ bản đồ số 3) T10ộc ấp 2, xã Mỹ H, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp do ông T1 đứng tên quyền sử dụng đất, vì đây là nhà từ đường, dùng để thờ cúng, chôn cất ông, bà cha, mẹ và anh chị em của bà theo điểm b, mục 2 phần B của Di chúc.

***4.* Ông Hà Trung T10 (chồng bà M) có anh Hà Thái B đại diện trình bày:**

Nguồn gốc đất đang tranh chấp giữa ông T và ông T1 là của cụ Huỳnh Tấn Tước chết để lại. Việc cụ Tước để lại di chúc thế nào ông T10 không biết, nhưng phần diện tích 27.000m^2 là di sản của cụ Tước chưa chia, nên ông T10 ủy quyền cho anh B yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, xin nhận 01 kỹ phần như bà T2, ông T5, bà N, bà S và bà L. Không nhận hiện vật mà xin nhận bằng giá trị.

***5.* Bà Huỳnh Thị T2 có chị Trần Thanh T3 đại diện trình bày**:

Nguồn gốc đất đang tranh chấp giữa ông T và ông T1 diện tích 27.000m^2 là của cụ Tước. Do phần đất này cụ Tước còn đứng tên quyền sử dụng đất. Trường hợp, di chúc hợp pháp bà không yêu cầu chia thừa kế, do Hội đồng xét xử quyết định, nhưng trường hợp di không hợp pháp bà T2 có chị T3 đại diện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của cụ Tước để lại, chia đều 09 kỹ phần bằng nhau, bà T2 xin nhận giá trị.

6. Bà Huỳnh Thị S có anh Nguyễn Thanh T4 đại diện trình bày:

Thống nhất di chúc của cụ Tước để lại là giao phần đất này cho ông T1 quản lý để trùng tu, sửa chữa là làm đám giỗ quải cho ông bà. Trường hợp, di chúc không hợp pháp, bà S có anh T4 đại diện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, phần di sản của cụ Tước để lại, xin chia 01 kỷ phần trong diện tích 27.000m^2 như những đồng thừa kế khác. Bà S xin nhận bằng giá trị.

Các T6 liệu trong hồ sơ đã được công khai theo Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 04 tháng 8 năm 2022.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu quan điểm: Phần đất diện tích 27.000m^2 cụ Tước đứng tên không phải là đất hương hỏa, mà đất hương hỏa là đất có nhà và mồ mả. Việc ông T1 suy luận phần cuối của di chúc có đoạn ghi " *Các phần tôi đứng tên sẽ dùng làm phần đất hương hỏa, sau này khi tôi lâm chung hộ Huỳnh Tấn T1 quản lý lo kiến tạo trùng tu, thờ cùng giỗ quãi ông, bà cha mẹ không có quyền sang nhượng, bán phần hương quản cho bất kỳ ai"*là phần 27.000m^2 cụ Tước đứng tên quyền sử dụng đất là không đúng. Theo quan điểm của tôi. Di chúc này không hợp pháp bởi lẽ: Di chúc được cụ Tước lập năm 2000, đến năm 2001 mới đem đi xác nhận là sai về hình thức. T6 sản của cụ Ca nhưng cụ Tước, tướt quyền định đoạt của cụ Ca. Những T6 sản cụ Tước đã cho, đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hết. Xét thấy, nội dung di chúc không rõ ràng nên không có giá trị pháp lý. Ông T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần 27.000m^2 và yêu cầu tính công sức đóng góp 1/3 giá trị là hoàn toàn có căn cứ. Chia cho ông T hưởng hai trong các kỷ phần mà đồng thừa kế yêu cầu được hưởng. Đối với yêu cầu cùng các đồng thừa kế sở hữu chung phần đất hương hỏa thửa 26, 533, 558 do ông T1 đứng tên, ông

T xin rút yêu cầu. Tiền T10ê đất yêu cầu chia đều cho các đồng thừa kế. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu quan điểm: Không đồng tình theo quan điểm bảo vệ của Luật sư đồng nghiệp. Theo quan điểm của tôi, di chúc này có hiệu lực pháp luật bởi lẽ: Cụ Tước để lại di chúc lúc minh mẫn, cụ Ca còn sống không có ý kiến hay phản đối. Nội dung và hình thức di chúc phù hợp pháp luật. Các đồng sở hữu thực hiện đúng nội dung di chúc. Riêng phần diện tích 27.000m^2 là đất hương hỏa, cụ Tước chỉ định người quản lý là ông T1. Ông T1 thụ hưởng đất thì ông T1 thụ hưởng quyền lợi, huê lợi trên đất đó là số tiền cho ông C, bà H T10ê quyền sử dụng đất đến thời điểm này là 360.000.000 đồng. Căn cứ Điều 609, 613, 624, 643 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông T1.

- Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ và T5 hành thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T5, bà N, bà L, anh T4, anh B chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật 1/8 kỹ phần.Ông T có công sức đóng góp đối với phần đất 27.000m^2, nên chia cho ông T nhiều hơn, ông T hưởng 5.000m^2, mỗi người còn lại hưởng 3.200m^2.Tiền T10ê đất 360.000.000 đồng, ông T hưởng 55.000.000đ, những người còn lại mỗi người hưởng 34.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu sở hữu chung đối với phần đất thửa 26, 533, 558 của các đồng thừa kế gồm: ông Huỳnh Tấn T5, Huỳnh Thị N, Huỳnh Kim L.

Đình chỉ một phần yêu cầu của ông T, đồng sở hữu chung phần đất thửa 26, 533, 558 do ông T1 đứng tên quyền sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T6 liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát huyện Tháp Mười, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào Đơn khởi kiện ngày 29/11/2016 và Đơn khởi kiện thay đổi bổ sung ngày 29/9/2022 của ông Huỳnh Tấn T; Đơn phản tố đề ngày 26/7/2017 của ông Huỳnh Tấn T1; Đơn khởi kiện của các đồng thừa kế ngày 04/01/2022, Đơn khởi kiện ngày

07/12/2022 của bà Huỳnh Thị T2, Đơn khởi kiện ngày 12/12/2022 của Ông T5, bà N, bà L, bà S và ông T10 và các chứng khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất" T10ộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Anh Huỳnh Tấn T7, anh Huỳnh Tấn T8, Huỳnh Tấn T9 được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Chị Huỳnh Trâm có đơn xin không tiếp tục tham gia đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Tấn T. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, T5 hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[3]. Về nội dung vụ án:

Ông Huỳnh Tấn T và các đương sự có trong vụ án thống nhất: Cụ Huỳnh Tấn Tước và cụ Nguyễn Thị Ca là vợ chồng, có với nhau 11 người con, chết 04 người (trong đó có 02 người chết lúc nhỏ không nhớ tên, ông Huỳnh Tấn T6 chết năm 1997 và bà Huỳnh Thị M chết năm 2016) còn 07 người sống gồm: Huỳnh Thị T2, Huỳnh Thị S, Huỳnh Thị N, Huỳnh Tấn T5, Huỳnh Tấn T, Huỳnh Kim L và Huỳnh Tấn T1. Cụ Tước và cụ Ca không có con riêng hay con nuôi nào khác. Cụ Ca sinh năm 1921, chết ngày 06/01/2001, cụ Tước sinh năm 1919, chết ngày 04/01/2007.

[3.1] Về nguồn gốc đất: Căn cứ vào lời khai thống nhất của các bên đương sự thì phần diện tích đất tranh chấp 27.000m^2 T10ộc thửa 560, tờ bản đồ số 04 là của cụ Huỳnh Tấn Tước và cụ Nguyễn Thị Ca nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Hữu Quí vào năm 1997. Các phần đất T10ộc thửa 26, thửa 533 và thửa 558 (thửa mới), cùng tờ bản đồ số 02, hiện do ông Huỳnh Tấn T1 đứng tên, có nguồn gốc từ cha, mẹ của cụ Tước tạo lập để lại cho cụ Ca và cụ Tước. Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2]. Tại phiên tòa, ông T xin rút yêu cầu đứng tên đồng sở hữu chung phần đất diện tích 22.352,3m^2 T10ộc các thửa 26, 533 và 558 do ông T1 đứng tên quyền sử dụng đất. Xét việc rút yêu cầu này của ông T là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này của ông T.

Ông T yêu cầu chia thừa kế theo di chúc, trường hợp di chúc không hợp pháp ông T yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật phần đất diện tích 27.000m^2 do cụ Tước để lại, yêu cầu tính công sức đóng góp, tôn tạo bằng 1/3 di sản và yêu cầu chia đều phần tiền cho T10ê quyền sử dụng đất đến thời điểm hiện tại là 360.000.000 đồng cho các đồng sở hữu. Xét, các yêu cầu này của ông T là có căn cứ chấp nhận một phần, bởi lẽ:

Xem xét tính hợp pháp của bản di chúc lập ngày 30/7/2000 của cụ Huỳnh Tấn Tước: Hình thức di chúc, đây là di chúc bằng văn bản, do ông Huỳnh Văn Lạc là cháu của cụ Huỳnh Tấn Tước viết dùm, được chứng thực và có người làm chứng ký tên gồm ông Nguyễn Hữu Hon, Nguyễn Quỳnh Kỳ, Trần Văn Quyến và Nguyễn Văn Tuấn. Những người ký tên làm chứng đã chết nhưng con của

những người làm chứng này đều thừa nhận chữ ký trong di chúc là của ông Hon, Kỳ, ông Tuấn và ông Quyến. Các đương sự trong vụ án thống nhất chữ ký trong di chúc đúng là của cụ Huỳnh Tấn Tước. Tại trang 1 của di chúc ghi rõ, vợ chồng thống nhất làm tờ di chúc trong tình trạng sức khỏe B thường và lý trí còn minh mẫn. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự thừa nhận cụ Tước có tinh thần tỉnh táo, minh mẫn, không phải nằm viện điều trị cho đến thời điểm xác nhận di chúc. Sự thừa nhận trên chứng tỏ vào thời điểm cụ Tước lập di chúc và mang bản di chúc đi xác nhận là còn khỏe mạnh, minh mẫn, không có sự ép buộc nào là phù hợp Điều 630 Bộ luật dân sự.

Về nội dung di chúc thể hiện cụ Tước giao quyền thừa hưởng cho các con sử dụng và được đăng ký với nhà nước, sở địa chính các phần đất do vợ chồng ông tạo lập. Di chúc có hai phần: phần thứ nhất (phần A) chia đất ở ấp 5, xã Mỹ H và phần B chia đất ở ấp 2, xã Mỹ H. Tại phiên tòa, các đương sự trong vụ án đều thừa nhận lúc sinh thời, cụ Tước và cụ Ca đã cho đất các con theo đúng vị trí đất trong di chúc, các con cụ Tước và cụ Ca đi đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định không ai tranh chấp. Việc cụ Tước cho đất và các con cụ Tước đăng ký quyền sử dụng đất trước thời điểm cụ Tước lập di chúc. Như vậy, thời điểm lập di chúc, cụ Tước không còn quyền quyết định phần T6 sản này vì các thừa kế đã đứng tên quyền sử dụng đất xong, nên di chúc này bị vô hiệu một phần theo khoản 3 Điều 643 Bộ luật dân sự. Phần còn lại T10ộc đoạn cuối của Di chúc không bị vô hiệu, do phần đất này cụ Tước còn đứng tên quyền sử dụng đất, đây là di sản thừa kế để lại chưa chia. Đoạn cuối di chúc thể hiện: *Các phần tôi đứng tên sẽ dùng làm đất hương hỏa, sau này khi tôi lâm chung hộ Huỳnh Tấn T1 quản lý lo kiến tạo trùng tu, thờ cúng giỗ quải ông, bà cha mẹ không có quyền sang nhượng, bán phần hương hỏa này cho bất kỳ ai.* Tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất ngoài phần đất diện tích 27.000m^2 T10ộc thửa 560, tờ bản đồ số 04 cụ Tước đứng tên quyền sử dụng đất, thì cụ Tước không còn đứng tên phần đất nào khác. Do đó, việc ông T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu công sức đóng góp, tôn tạo ông T trình bày: cụ Tước nhận chuyển nhượng đất của ông Quí ngày tháng năm nào ông không nhớ, khi nhận chuyển nhượng là đất trồng tràm được 4 năm tuổi. Năm 2005, ông phá tràm làm ruộng đến năm 2009 thì hoàn thành. Ông cho ông Nguyễn Hồng Vân T10ê 3 năm không lấy tiền T10ê đất, mục đích để cải tạo phèn. Năm 2012, ông bắt đầu nhận tiền T10ê đất, giá mỗi năm là 40.000.000 đồng (1.500.000 đ/1.000m^2). Năm 2016, ông lấy đất lại cho ông Võ Văn C T10ê thì ông T và ông T1 xảy ra tranh chấp. Ông T không nhận tiền T10ê đất mà đồng ý chuyển vào T6 khoản của ông C tại Ngân hàng Sacombank giữ hộ. Hai bên thỏa T10ận, người nào được Tòa án chấp nhận yêu cầu thì được quyền quản lý số tiền này. Đến thời điểm hiện tại số tiền T10ê đất lên đến 360.000.000đ. Nay, ông T yêu cầu tính công sức đóng góp, tôn tạo theo quy định của pháp luật, pháp luật chia như thế nào, ông nhận thế đó, vì không thể tính bằng giá trị. Xét thấy, công sức ông T bỏ ra về người và của để cải tạo phần đất tràm thành đất ruộng diện tích 27.000m^2 là có thật, ông T1 cũng đã thừa nhận, nên chia cho ông T được hưởng 01 phần trong các kỷ phần được

chia theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền cho T10ê đất là hoa lợi T10 được trên đất, được chia tương đương theo giá trị di sản được hưởng.

[3.3]. Tại phiên tòa, ông T5 cho rằng phần đất hương hỏa là phần có căn nhà từ đường và mồ mả của ông bà, cha mẹ, cụ Tước định đoạt giao cho ông T1 quản lý để kiến tạo trùng tu, nhưng ông T1 không làm tròn trách nhiệm của người được quản lý, gây khó khăn cho các đồng thừa kế trong việc nhang đèn, cúng kiến. Nên yêu cầu được đồng đứng tên sở hữu chung với ông T1 phần đất T10ộc thửa 26, 533 và 558 tổng diện tích 22.352,3m^2 để ai cũng có quyền về thăm nôm, quét dọn. Còn phần đất 27.000m^2 T10ộc thửa 560, không phải là đất hương hỏa, mà đây là di sản của cụ Tước để lại chưa chia, cụ Tước còn đứng tên quyền sử dụng đất. Nay, ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, chia làm 09 kỷ phần bằng nhau, ai nhận đất lấy đất, không nhận đất giao cho người nào nhận đất trả giá trị lại cho người không nhận đất theo giá nhà nước quy định, riêng ông T5 xin nhận giá trị vì phần đất nếu được chia diện tích không lớn, khó khăn cho việc canh tác. Phần tiền cho T10ê quyền sử dụng đất thống nhất như ông T trình bày, chia đều cho các anh, em.

[3.4].Tại phiên tòa, bà N trình bày: Phần đất 27.000m^2 là T6 sản chung của cụ Ca và cụ Tước lúc còn sống. Cụ Tước tự lập di chúc định đoạt cho ông T1 là chưa phù hợp vì trong di chúc cụ Ca không có ký tên. Nay, bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, xin hưởng 01 kỷ phần như ông T5, xin nhận giá trị không nhận đất.

[3.5]. Bà L thống nhất theo yêu cầu của ông T5 và bà N. Nếu được chia đất bà xin nhận giá trị, không nhận đất.

[3.6]. Ngoài ra, các đồng thừa kế còn lại gồm: Bà T2 có chị T3 đại diện, ông T10 (chồng bà M) có anh B đại diện không yêu cầu đứng tên đồng sở hữu chung phần đất T10ộc thửa 26, 533, 558 do ông T1 đứng tên, mà chỉ yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần diện tích 27.000m^2, nhận 01 kỷ phần bằng giá trị, không nhận bằng hiện vật. Riêng bà S có anh T4 đại diện cho rằng, trước đây bà S không yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất heo di chúc, đồng ý giao phần đất hương hỏa 27.000m^2 cho ông T1 như ý nguyện của cụ Tước. Trường hợp, di chúc hợp pháp bà S giữ nguyên ý kiến cũ, giao đất cho ông T1. Trường hợp di chúc không hợp pháp, bà S yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, xin chia 01 kỷ phần như ông T5, bà N, bà L, bà T2 và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà M là ông T10.

Xét, yêu cầu của các đồng thừa kế là có căn cứ chấp nhận một phần, bởi lẽ: thời điểm cụ Tước lập di chúc ngày 30/7/2000 cụ Ca còn sống, nhưng cụ Ca không có ký tên vào di chúc, phần 27.000m^2 là T6 sản chung của cụ Tước và cụ Ca, cụ Tước tự định đoạt phần T6 sản của cụ Ca để giao lại cho ông T1 là chưa phù hợp. Mặt khác, trong tờ Di chúc có Ủy ban nhân dân xã Mỹ H xác nhận: " Tờ di chúc của cụ Huỳnh Tấn Tước ngụ ấp 2, xã Mỹ H là đúng". Như vậy, Ủy ban nhân dân xã Mỹ H chỉ xác định phần di chúc của cụ Tước, còn phần di chúc của cụ Ca thì không. Mặt khác, tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận ngoài phần đất diện tích 27.000m^2 cụ Tước đứng tên tại thửa 560, tờ bản đồ số 04 thì cụ Tước không còn đứng tên phần đất nào khác. Do đó, các đồng thừa kế yêu cầu

chia chia thừa kế theo pháp luật diện tích 27.000m^2 là có căn cứ. Đây là T6 sản chung của cụ Tước và cụ Ca, mỗi người có 1/2, phần của cụ Tước 13.500m^2, phần của cụ Ca 13.500m^2, cụ Tước có quyền tự định đoạt cho ông T1 phần T6 sản của cụ Tước, riêng phần của cụ Ca thì chia theo quy định của pháp luật. Cụ Ca chết ngày 06/01/2001, đến thời điểm này còn trong thời hiệu chia thừa kế theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự. Do đó, phần diện tích 13.500m^2 của cụ Ca chia làm 09 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần 1.500m^2. Trong đó, ông T được hưởng 02 phần do ông T có công sức đóng góp, tôn tạo. Do đó, các đồng thừa kế được chia như sau: ông T được hưởng 01 kỷ phần, phần di sản cụ Ca để lại và 01 kỷ phần do ông T có công sức đóng góp, tôn tạo tổng cộng 3.000m^2. Ông T1 hưởng phần di sản của cụ Tước 13.500m^2, phần của cụ Ca 1.500m^2, tổng cộng 15.000m^2. Các đồng thừa kế còn lại mỗi người hưởng 01 kỷ phần của cụ Ca để lại 1.500m^2. Do ông T5, bà S, bà N, bà T2, bà L, ông T10 không nhận hiện vật mà nhận giá trị. Theo ý nguyện của cụ Tước là giao cho ông T1 là con út quản lý, nên giao phần đất này cho ông T1 quản lý, ông T1 có trách nhiệm trả giá trị cho các đồng sở hữu (theo giá nhà nước quy định) là hoàn toàn phù hợp. Đối với ông T nhận đất nên căn cứ vào Mảnh trích đo địa chính số 124 – 2017 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thể hiện phần đất tranh chấp thửa 560 liền kề thửa 559 ông T đã chuyển nhượng cho chị Lê Thị Hồng Nhi, nên không thể chia 3.000m^2 giáp thửa 559 khó khăn cho việc canh tác, mà phần đất ông T được chia theo hình tam giác tiếp giáp phần đất của ông T T10ộc thửa 558 cho liền canh liền cư. Phần đất còn lại giao cho ông T1 quản lý.

[4]. Đối với số tiền T10ê đất là hoa lợi có được, chia theo giá trị mà các thừa kế được hưởng như sau: Từ năm 2016 – 2021 là 06 năm, mỗi năm 60.000.000 đồng, thành tiền 360.000.000đ/27.000m^2 = 13.333.000 đồng/1.000m^2, ông T hưởng 3.000m^2 đất, tiền T10ê đất được hưởng 39.900.000 đồng; ông T1 hưởng 15.000m^2 đất, tiền T10ê đất được hưởng 199.995.000đ, những đồng thừa kế còn lại gồm: Bà T2, ông T5, bà S, bà N, bà L, ông T10 mỗi người được hưởng 1.500m^2 đất, tiền T10ê đất được hưởng là 19.999.500đ.

Số tiền cho T10ê đất còn lại của năm 2022, ông C, bà H chưa nộp vào T6 khoản và hợp đồng T10ê đất hàng năm được ký kết giữa ông T và anh C, sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

[5]. Phần đất tranh chấp ông T và ông T1 xác định diện tích 27.811,5m^2 có một phần diện tích lấn qua thửa 559 của chị Lê Thị Hồng Nhi diện tích 1.039,7m^2 (diện tích hình tam giác M4, M1 và M5), ông T và ông T1 thống nhất dời ranh từ mốc M1 về mốc M5 theo ranh hiện trạng, nên diện tích thực tế còn lại là 26.771,8m^2, không còn liên quan đến chị Nhi, Tòa án đã đưa chị Nhi ra không tham gia vụ kiện. Ông T và ông T1 thống nhất diện tích thực tế bao nhiêu giải quyết bấy nhiêu, không tranh chấp.

[6]. Do chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, nên yêu cầu phản tố của ông T1 chia thừa kế theo di chúc không được chấp nhận.

[7]. Xét yêu cầu của ông T5, bà T2, bà N, bà L, bà S và ông T10 đòi đứng tên đồng sở hữu chung phần đất hương hỏa tại thửa 26, 533 và 558 do ông T1 đứng tên, vì trên phần đất này có nhà cửa, mồ mã của ông bà cha mẹ. Căn cứ

để yêu cầu sở hữu chung là do ông T1 không thực hiện việc trùng tu, sửa chữa nhà cửa để nhà cửa hoang tàn, sơ sát. Không cho các ông bà vào nhang khói khi có việc về thăm.

Xét yêu cầu này, Hội đồng xét xử nhận thấy.

Nguồn gốc đất T10ộc thửa 26, 533 và thửa 558 (đã cấp đổi chính quy) là của cụ Tước. Lúc sinh thời, cụ Tước cho ông T1, ông T1 đi đăng ký quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu ngày 20/01/1994 gồm các thửa 294, 295, 296, 268, 266, 267, 256 và thửa 388 cùng tờ bản đồ số 04, tổng diện tích 97.680m^2. Căn cứ vào Công văn số 4050/CNTM-ĐKCG ngày 08/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tháp Mười xác nhận: Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Huỳnh Tấn T1 đứng tên đã cấp đổi từ bản đồ 299 sang bản đồ địa chính, chính quy đồng loạt theo dự án. Phần đất T10ộc thửa 266 + 267 + 256, tờ bản đồ số 4 thành thửa 26, tờ bản đồ số 43 diện tích 5.273m^2, thửa 388 tờ bản đồ số 4 thành thửa 558, tờ bản đồ số 3 diện tích 1.817,5m^2, thửa 268 tờ bản đồ số 4 thành thửa 533, tờ bản đồ số 3 diện tích 15.360,8m^2. Mặc dù việc cho đất không làm giấy tờ, nhưng khi ông T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ Tước và các anh chị của ông T1 đều biết, nhưng không có ý kiến gì, điều này thể hiện việc ông T1 được cho là có cơ sở.

Mặt khác, tại phiên tòa ông T5 và ông T thừa nhận, lúc sinh thời cụ Tước biết việc ông T1 đăng ký quyền sử dụng đất bao trùm lên phần đất cụ Tước cho ông T5, nên cụ Tước yêu cầu ông T1 làm thủ tục tách thửa trả cho ông T5. Như vậy khẳng định rằng, việc cụ Tước biết ông T1 đã đăng ký quyền sử dụng đất mà theo di chúc phần đất T10ộc sở hữu của cụ Tước, cụ Tước không có ý kiến gì, thì mặc nhiên xem như cụ Tước đồng ý cho ông T1 đứng tên quyền sử dụng đất. Hơn nữa, tại Công văn số 3801/UBND-NC ngày 29/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười xác nhận: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Tấn T1 vào ngày 20/01/1994 đảm bảo trình tự thủ tục theo quy định tại thời điểm cấp giấy.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của các đồng thừa kế yêu cầu đứng tên sở hữu chung phần đất ông T1 được cụ Tước cho tại các thửa 26, 533 và thửa 558 (đã cấp đổi chính quy) tổng diện tích 22.352,3m^2.

[8]. Đối với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Tấn T6 gồm: Nguyễn Thị Ngọc Chơn, Huỳnh Thị Diễm Thúy, Huỳnh Thụy Mỹ Trúc không yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích 27.000m^2 do cụ Huỳnh Tấn Tước đứng tên quyền quyền sử dụng đất Tòa án đã đưa ra không tham tố tụng. Riêng anh Huỳnh Tấn T7, Huỳnh Tấn T8 và Huỳnh Tấn T9 cho rằng các anh là cháu nội của cụ Tước, có ý kiến đối với phần đất hương hỏa có nhà từ đường thờ cúng và mồ mả ông bà là phần đất hưởng hỏa, xem xét tạo điều kiện cho các anh được vào nhà cụ Tước để nhang khói, trùng tu, sửa chữa. Tại phiên tòa, ông T1 thống nhất sau khi đã bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông sẽ thực hiện theo di nguyện của cụ Tước là kiến tạo, trùng tu, sửa chữa lại nhà không nhờ ai đóng góp

vì đó là bổn phận. Đối với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần 27.000m^2 cụ Tước đứng tên các anh không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là yêu cầu chia thừa kế theo luật là có cơ sở nên chấp nhận một phần.

[10]. Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là yêu cầu chia thừa kế theo di chúc là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[11]. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, nên chấp nhận một phần.

[12]. Về chi phí tố tụng:

Tiền xem xét thẩm định tại chỗ phần đất diện tích 27.000m^2 T10ộc thửa 560, ông T nộp 10.066.200 đồng và tiền xem xét thẩm định tại chỗ phần đất diện tích 22.352,3m^2, ông T nộp 18.767.430 đồng. Ý kiến của các đương sự thống nhất bên nào không được Tòa án chấp nhận yêu cầu thì bên đó chịu. Do không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo di chúc phần đất diện tích 27.000m^2 nên ông T1 phải chịu và không chấp nhận yêu cầu của ông T5, bà N và bà L về đứng tên đồng sở hữu chung phần đất diện tích 22.352,3m^2 nên ông T5, bà N và bà L có trách nhiệm trả lại cho ông T.

[13]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T, ông T5, bà Trần, bà S, bà N, bà L và ông T10 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do các ông, bà trên 60 tuổi theo quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Huỳnh Tấn T1 nộp tiền án phí chia thừa kế theo pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 612, 623, 623, 649, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

Các Điều 26, 28, 35, 39, 157 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn T, ông Huỳnh Tấn T5, bà Huỳnh Thị S, bà Huỳnh Thị N, bà Huỳnh Thị T2, bà Huỳnh Kim L và ông Hà Trung T10 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Huỳnh Thị M về việc chia thừa kế theo pháp luật phần đất diện tích 27.000m^2 (đo đạc thực tế 26.771,8m^2) T10ộc thửa 560, tờ bản đồ số 4 do cụ Huỳnh Tấn Tước đứng tên. Phần đất tọa lạc ấp 5, xã Mỹ H, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

- Ông Huỳnh Tấn T được quyền quản lý, sử dụng 3.000m^2 trong phạm vi các mốc M2, M8, M6, M7, M9 và M2.

- Ông Huỳnh Tấn T5, bà Huỳnh Thị T2, bà Huỳnh Thị S, bà Huỳnh Thị N, bà Huỳnh Kim L và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Huỳnh Thị M là ông Hà Trung T10 được chia mỗi người 1.500m^2, nhưng nhận giá trị. Ông Huỳnh Tấn T1 có trách nhiệm trả giá trị cho những người này theo giá đất Nhà nước quy định.

- Ông Huỳnh Tấn T1 được quyền quản lý, sử dụng 15.000m^2 và 9.000m^2 của ông T5, bà T2, bà S, bà N, bà L và ông T10 được chia nhưng không nhận hiện vật, tổng cộng 24.000m^2 (đo đạc thực tế 23.771,8m^2) trong phạm vi các mốc M6, M7, M3, M5, M4 và M6.

- Buộc ông Huỳnh Tấn T giao cho ông Huỳnh Tấn T1 phần đất diện tích 24.000m^2 (đo đạc thực tế 23.771,8m^2) T10ộc thửa 560, tờ bản đồ số 4 do cụ Huỳnh Tấn Tước đứng tên quyền sử dụng đất. Phần đất tọa lạc ấp 5, xã Mỹ H, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

(Kèm theo Mảnh trích đo địa chính số 124 – 2017 ngày 14/6/2017 và Phụ lục trích đo số 124 -2017 ngày 23/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tháp Mười; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/02/2017 và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười).

- Ông T và ông T1 được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh phần đất được chia theo quy định.

Ông Huỳnh Tấn T1 có nghĩa vụ bồi hoàn giá trị theo giá Nhà nước quy định tại thời điểm thi hành cho ông T5, bà T2, bà S, bà N, bà L và ông T10 mỗi người diện tích 1.500m^2.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn T về việc yêu cầu đứng tên đồng sở hữu chung phần đất T10ộc thửa 26, 533 và 558, tổng diện tích 22.352,3m^2 do ông Huỳnh Tấn T1 đứng tên quyền sử dụng đất.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo di chúc của ông Huỳnh Tấn T1.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Tấn T5, bà Huỳnh Thị N và bà Huỳnh Kim L về việc yêu cầu đứng tên đồng sở hữu chung phần đất T10ộc thửa 26, 533 và 558, tổng diện tích 22.352,3m^2 do ông Huỳnh Tấn T1 đứng tên quyền sử dụng đất.

5. Đối với phần tiền cho T10ê đất 360.000.000 đồng.

Ông Huỳnh Tấn T được quyền quản lý, sử dụng số tiền 39.900.000 đồng; Ông Huỳnh Tấn T1 được quyền quản lý, sử dụng số tiền 199.995.000 đồng; Ông Huỳnh Tấn T5 được quyền quản lý, sử dụng số tiền 19.995.000 đồng; bà Huỳnh Thị T2 được quyền quản lý, sử dụng số tiền 19.995.000 đồng; bà Huỳnh Thị S được quyền quản lý, sử dụng số tiền 19.995.000 đồng; bà Huỳnh Thị N được quyền quản lý, sử dụng số tiền 19.995.000 đồng; bà Huỳnh Kim L được quyền quản lý, sử dụng số tiền 19.995.000 đồng và ông Hà Trung T10 người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà M được quyền quản lý, sử dụng số tiền 19.995.000 đồng.

Ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị H có nghĩa vụ đến Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Phòng giao dịch Tháp Mười (Saconbank) rút số tiền 360.000.000 đồng giao cho các thừa kế chia theo bản án.

6. Chi phí tố tụng:

Tiền xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Huỳnh Tấn T5, bà Huỳnh Thị N và bà Huỳnh Kim L có trách nhiệm trả lại cho ông Huỳnh Tấn T số tiền 18.767.430 đồng (Mười tám triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi đồng). Ông Huỳnh Tấn T1 có trách nhiệm trả lại cho ông Huỳnh Tấn T số tiền 10.066.200 đồng (Mười triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm đồng).

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Tấn T1 nộp 44.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; khấu trừ 29.175.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai T10 số 14887 ngày 28/7/2017 và 4.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai T10 số 0011683 ngày 13/4/2021, tổng cộng: 33.675.000 đồng. Ông T1 nộp tiếp số tiền 10.325.000 đồng (Mười triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Do ông T trên 60 tuổi được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm dân sự; Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 28.275.000 đồng (Hai mươi tám triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai T10 số 07165 ngày 06/12/2016.

- Ông Huỳnh Tấn T5, bà Huỳnh Thị T2, bà Huỳnh Thị S, bà Huỳnh Thị N, bà Huỳnh Kim L và ông Hà Trung T10 được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm do trên 60 tuổi.

Các đương nộp tiền án phí và nhận lại tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T10ận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh, Huyện;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- THA dân sự Huyện;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA (Oanh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Đinh Kim Oanh